

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Theo mẫu tại Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: Nguyễn Tiến Lập

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 18/02/1980

Nơi sinh: Đồng Nai

Quê quán: Nam Định

Dân tộc: Kinh

* Học vị cao nhất: Tiến sĩ

* Năm, nước nhận học vị: 2019/Đài Loan

Chức danh khoa học cao nhất:

Năm bổ nhiệm:

Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Giảng viên

Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Trường Đại học Văn Lang

Địa chỉ liên lạc (chỗ ở hiện tại):

Điện thoại liên hệ: CQ:

NR:DD:

Fax:

E-mail: lap.nt@vlu.edu.vn

Số CCCD: Ngày cấp: . Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHCVTTXH

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy

Nơi đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM

Ngành học: Ngữ văn Hán Nôm

Nước đào tạo: Việt Nam

Năm tốt nghiệp: 2002

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Ngôn ngữ và Văn học Trung Quốc Năm cấp bằng: 2009

Nơi đào tạo: Trường Đại học Giáo dục Bình Đông (National Pingtung University of Education, NPUE)

- * Tiến sĩ chuyên ngành: Giáo dục Ngôn ngữ và Văn học Năm cấp bằng: 2019

Nơi đào tạo: Trường Đại học Giáo dục Đài Trung (National Taichung University of Education, NTCU)

* Tên luận án: 《越南明鄉華人書寫意識轉變之研究——以鄭天錫、吳仁靜、鄭懷德為對象之考察》 (A Study of Transformation of Writing Consciousness of Minh Huong Ethic Chinese- Mac Thien Tu, Ngo Nhan Tinh, and Trinh Hoai Duc)

03/2024	nay	Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Khoa Ngôn ngữ	Giảng viên cơ hữu
---------	-----	--	-------------------

V. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài

2. Các công trình khoa học đã công bố:

2.1 Sách/Chương sách

	Tên công trình	Năm công bố	Tên sách
1	《幼幼Love Show越南語有聲書》	09/2012	《幼幼Love Show越南語有聲書》Changhua County Government Changhua, Taiwan, ISBN978-986-033-194-3.
2	〈鄭懷德《艮齋詩集》考〉	12/2013	《聯藻於日月、交彩於風雲：2012年近現代中國語文國際學術研討會論文集》Wu-Nan Book Inc, TaiPei (Đài Loan), ISBN: 978-957-117-439-6.
3	〈「他鄉」、「故國」、「地方感」——談鄭懷德《艮齋詩集》中的離散與認同〉	12/2022	《域外華人的多音交響：2022「東南亞社會與文化」國際學術研討會論文集》Wanjuanlou Book CO, Taipei, Taiwan, ISBN: 978-986-478-784-5.
4	〈《春秋三傳》在越南的研究與教學〉	07/2023	《經學研究叢刊12：《經學的國際化：從國際視野看經學的當代性》Academia Sinica, Taipei, Taiwan, ISBN: 978-626-7341-25-4.
5	“Trung Quốc văn tự học”— Cuốn giáo khoa thư song ngữ có giá trị của học giả Lý Văn Hùng	07/2023	“Nghiên cứu và đào tạo Đông Phương học trong thế kỷ 21: Biến đổi và Thích ứng”. NXB Đại học Quốc gia TP HCM, ISBN: 978-626-7341-25-4.

2.2 Bài báo khoa học

	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	〈試校鄭懷德《艮齋詩集》版本〉	01/2014	《興國學報》Journal of Hsing Kuo University of management, Taiwan.

2	〈越南明鄉華人鄭天錫及其文學作品初探〉	05/2014	《康寧學報》Journal of University of Kang Ning, Taiwan.
3	“Tên tự, tên hiệu và trường hợp Trịnh Hoài Đức”	10/2015	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư Phạm TPHCM

2.3 Bài tham luận hội thảo

	Tên công trình	Năm công bố	Tên hội thảo
1	“Hư từ trong Hán ngữ cổ: Cách dùng chữ ‘Chi’”	12/2004	“Hội thảo các nhà ngữ văn trẻ”, Khoa Ngữ văn, Đại học Sư Phạm TPHCM.
2	“Tìm hiểu về bộ thủ trong chữ Hán và chữ Nôm”	05/2009	“Hội thảo nghiên cứu Hán Nôm và văn hóa Việt Nam”, Khoa Văn Học và Ngôn Ngữ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM.
3	〈越南喃字造字法探析——以王力〈漢越語研究〉之探討為例〉	06/2009	“Hội thảo nghiên cứu sinh Ngữ văn Trung Quốc lần 4”, Khoa Ngữ văn Trung Quốc, Đại học Giáo dục PingTung (Đài Loan).
4	〈漢字與喃字形體結構比較分析〉	09/2011	“Hội thảo Việt Nam và Trung Quốc: mối quan hệ văn hóa và văn học trong lịch sử”, Khoa Văn Học và Ngôn Ngữ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM.
5	〈漢語和越南語「人稱代詞」探析〉	01/2013	“Hội thảo nghiên cứu khoa học nghiên cứu sinh năm học 2012-2013”, Khoa Giáo dục Ngữ Văn, Đại học Giáo dục TaiChung (Đài Loan).
6	〈略論越南語文教育中的中華文化內涵——以漢字為範疇〉	05/2013	“Hội thảo quốc tế nghiên cứu so sánh nhân văn Đài Việt lần 2 & Hội thảo quốc tế chữ La-tinh Đài Loan”, Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam & Đại học ChengKung (Đài Loan).
7	〈「忠愛之情發於詩」——簡談越南明鄉華人吳仁靜及其《拾英詩集》〉	12/2015	“Hội thảo Khoa học Quốc tế Ngữ văn Trung Quốc cận hiện đại 2015”, Khoa Ngữ văn Trung Quốc, Đại học Giáo dục PingTung (Đài Loan).
8	〈越南《關帝桃園明聖經》版本概述——以阮朝嗣德壬戌年(1862)木刻板為考察中心〉	04/2022	“Hội thảo Quốc tế Văn hiến học cổ điển Trung Quốc lần 7”, Khoa Trung Văn, Đại học DongWu (Đài Loan).
9	〈中國文字學理論在越南的編撰與運用——以李文雄《中國文字學》和阮光宏《喃字文字學概論》為例〉	05/2022	“Hội thảo Quốc tế Văn tự học Trung Quốc lần 33”, Khoa Trung Văn, Đại học FuJen (Đài Loan).

10	〈中國見聞錄：從明香華人視野看大清國諸面貌〉	04/2023	Hội thảo 第七屆中國古典文學國際學術研討會, Đại học Soochow, Đài Loan.
11	〈越南集句詩探析〉	05/2023	Hội thảo 第六屆人文化城國際學術研討會, Đại học Dong Hwa, Đài Loan.
12	〈王力〈漢越語研究〉對越南喃字造字法分類之商榷〉	11/2023	“Hội thảo Giáo dục Trung Hàn lần thứ 25” do Hiệp hội Nghiên cứu Văn hóa Ngôn ngữ Hàn – Trung; Viện Khổng Tử Seoul và Viện nghiên cứu Trung văn Trường Đại học Thiên Chúa giáo Hàn Quốc đồng tổ chức.

2.4 Luận văn/Luận án

	Tên công trình	Năm công bố	Tên trường tốt nghiệp
1	“Dịch và giới thiệu hệ thống “Tự âm”, “Tự nghĩa” trong “Văn tự học toàn yếu”	06/2002	Luận văn đại học, Khoa Ngữ văn & Báo chí, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM.
2	《漢字與喃字形體結構比較之研究》(The Study of Word Structure between Chinese and Vietnamese Chu Nom)	06/2009	Luận văn thạc sĩ, Khoa Ngữ văn Trung Quốc, Trường Đại học Giáo dục PingTung (NPUE, Đài Loan).
3	《越南明鄉華人書寫意識轉變之研究——以鄭天錫、吳仁靜、鄭懷德為對象之考察》(A Study of Transformation of Writing Consciousness of Minh Huong Ethnic Chinese- Mac Thien Tu, Ngo Nhan Tinh, and Trinh Hoai Duc)	06/2019	Luận án tiến sĩ, Khoa Giáo dục Ngữ văn, Trường Đại học Giáo dục TaiChung (NTCU, Đài Loan).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2024

Xác nhận Nhà trường

Người khai ký tên



TS. Nguyễn Tiến Lập